

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán: Mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm cho Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau năm 2025 - 2026.
- Tên gói thầu: Gói thầu số 12: Hoá chất, vật tư xét nghiệm vi sinh.
- Giá gói thầu (đã bao gồm VAT): 1.819.179.300 VND.
- Nguồn vốn: Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp của đơn vị.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng.
- Phương thức đấu thầu: 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ.
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 150 ngày.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý III/2025.
- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 24 tháng.
- Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Tên danh mục hàng hóa	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách tham khảo	Mô tả tính năng và thông số kỹ thuật cơ bản (hoặc trong đương)
1	PP2500342768	Môi trường vi sinh, đĩa kháng sinh và hóa chất, vật tư khác cho xét nghiệm vi sinh					
1.1			Que cấy nhựa	1.000	Que	Bao 50 Cái	Bịch 50 que vô trùng, đóng gói 2 que/ túi. Dùng để cấy vào đĩa thạch
1.2			Đầu tip có lọc (10 ul)	12	Hộp	Hộp 96 cái	Đầu tip có lọc dùng trong micropipet hút mẫu, tip có lọc giúp ngăn ngừa những cặn và aerosols có trong dung dịch khi hút chất lỏng bằng micropipet. Điều này giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm chéo không mong muốn. Bộ lọc siêu nhỏ đặc biệt làm từ polyetylen kỵ nước.
1.3			Đầu tip có lọc(200 ul)	12	Hộp	Hộp 96 cái	Đầu tip có lọc dùng trong micropipet hút mẫu, tip có lọc giúp ngăn ngừa những cặn và aerosols có trong dung dịch khi hút chất lỏng bằng micropipet. Điều này giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm chéo không mong muốn. Bộ lọc siêu nhỏ đặc biệt làm từ polyetylen kỵ nước.
1.4			Đầu tip có lọc(1000 ul)	12	Hộp	Hộp 96 cái	Đầu tip có lọc dùng trong micropipet hút mẫu, tip có lọc giúp ngăn ngừa những cặn và aerosols có trong dung dịch khi hút chất lỏng bằng micropipet. Điều này giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm chéo không mong muốn. Bộ lọc siêu nhỏ đặc biệt làm từ polyetylen kỵ nước.

1.5			Eppendoft	500	Cái	Gói 500 cái	Làm từ nhựa trong suốt, có nắp an toàn tránh tình trạng khe hở, với các nút gờ thể hiện dung tích được làm mờ. Bề mặt nắp phẳng, và dễ dàng thực hiện việc mở, đóng nắp. Thể tích: 1,5ml.
1.6			Tâm bông lấy mẫu vô trùng	1.000	Que	Bịch 50 que	Bịch 50 que vào bao riêng lẻ, hàn kín vô trùng từng que. Dùng để lấy các mẫu vi sinh cần hoặc không cần môi trường chuyên chờ tùy vào mục đích sử dụng
1.7			Lọ lấy mẫu vô trùng	1.000	Cái	Bịch 100 lọ	Lọ miệng rộng, nắp vàng vặn chặt, có dán nhãn. Thích hợp để lấy các bệnh phẩm tạp nhiễm như phân tươi, đờm để khảo sát tìm vi khuẩn kháng acid, hay lấy nước tiểu làm tổng phân tích nước tiểu
1.8			Thuốc nhuộm gram	12	Bộ	Bộ (4chai x 100mL)	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Gram. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet, Lugol, Alcohol và Safranin.
1.9			Thuốc nhuộm Ziehl - Neelsen	2	Bộ	Bộ 100mL	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Ziehl Neelsen tìm trực khuẩn kháng acid. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbon Fuchsin, Alcohol acid và Methylen Blue.
1.10			BHI	1.000	Lọ	Hộp 10 lọ	Lọ thủy tinh có nắp vặn chặt chứa 3ml môi trường BHI. Dùng để tăng sinh không chọn lọc tất cả các vi khuẩn, ngoại trừ Haemophilus influenzae
1.11			Thạch máu BA	1.400	Đĩa	Hộp 10 đĩa	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy phân biệt. Phân biệt được 3 kiểu hình tiêu huyết (α , β , γ) của Streptococcus
1.12			Thạch nâu - CAVX	240	Đĩa	Hộp 10 đĩa	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi khuẩn khó mọc
1.13			Mac Conkey Agar - MC	1.400	Đĩa	Hộp 10 đĩa	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc trực khuẩn Gram âm, dễ mọc. Phân biệt khả năng lên men lactose

1.14			Salmonella Shigenlla Agar - SS	240	Đĩa	Hộp 10 đĩa	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc Salmonella, Shigella. Phân biệt khả năng lên men lactose
1.15			Môi trường BHI 20% Glycerol (tube)	240	Tube	Hộp 20 tube	Đựng trong tube nhựa dùng để bảo quản và lưu giữ vi khuẩn trong điều kiện nhiệt độ âm. Thời gian bảo quản chủng vi khuẩn tùy thuộc và ngưỡng nhiệt độ bảo quản: - 20 độ C (1 năm); -30 độ C (2 năm); -70 độ C (10 năm).
1.16			Môi trường MHA (Mueller Hinton Agar)	240	Đĩa	Hộp 10 đĩa	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường thực hiện kháng sinh đồ vi khuẩn để mọc
1.17			Coagulase rabbit plasma	250	Lọ	Hộp 10 lọ	Dạng bột chứa trong lọ dùng thực hiện thử nghiệm coagulase bằng huyết thỏ đông khô để định danh Staphylococcus
1.18			Escherchia coli ATCC 25922	1	Bộ	Bộ/5 que	<ul style="list-style-type: none"> - Que cấy ở dạng sẵn sàng sử dụng, có đầu vòng tròn, được dùng 1 lần, chứa vi sinh vật trong nền gel bằng gelatin. - Phục hồi bằng cách làm ấm màng gel, không cần bù nước. - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc. - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. <p>Que cấy chuẩn chủng Escherichia coli ATCC® 35218 ^{TM*}</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đóng gói: Hộp /5 que. - Bảo quản: 2-8°C

1.19			Staphylococcus aureus ATCC 29213	1	Bộ	Bộ/5 que	<ul style="list-style-type: none"> - Que cấy ở dạng sẵn sàng sử dụng, có đầu vòng tròn, được dùng 1 lần, chứa vi sinh vật trong nền gel bằng gelatin. - Phục hồi bằng cách làm ấm màng gel, không cần bù nước. - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc. - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Que cấy chuẩn chủng Staphylococcus aureus Subsp.aureus ATCC ® 29213^{TM*} - Đóng gói: Hộp /5 que. - Bảo quản: 2-8°C
1.20			Pseudomonas aeruginosa ATCC 27853	1	Bộ	Bộ/5 que	<ul style="list-style-type: none"> - Que cấy ở dạng sẵn sàng sử dụng, có đầu vòng tròn, được dùng 1 lần, chứa vi sinh vật trong nền gel bằng gelatin. - Phục hồi bằng cách làm ấm màng gel, không cần bù nước. - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc. - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Que cấy chuẩn chủng Pseudomonas aeruginosa ATCC® 27853^{TM*} - Đóng gói: Hộp /5 que. - Bảo quản: 2-8°C
1.21			Enterococcus faecalis ATCC 29212	1	Bộ	Bộ/5 que	<ul style="list-style-type: none"> - Que cấy ở dạng sẵn sàng sử dụng, có đầu vòng tròn, được dùng 1 lần, chứa vi sinh vật trong nền gel bằng gelatin. - Phục hồi bằng cách làm ấm màng gel, không cần bù nước. - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc. - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Que cấy chuẩn chủng Enterococcus faecalis ATCC ® 29212^{TM*} - Đóng gói: Hộp /5 que. - Bảo quản: 2-8°C

1.22			Optochin	300	Đĩa	Lọ 20 đĩa	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện thử nghiệm phát hiện nhạy cảm Optochin
1.23			Thử nghiệm catalase	20	Lọ	Lọ 2mL	Lọ có chứa 2ml thuốc thử dùng thực hiện thử nghiệm phát hiện Catalase
1.24			Bacitracin	300	Đĩa	Lọ 20 đĩa	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện thử nghiệm phát hiện nhạy cảm Bacitracin.
1.25			Novobiocin	300	Đĩa	Lọ 20 đĩa	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện thử nghiệm phát hiện đề kháng Novobiocin
1.26			Oxidase	400	Đĩa	Lọ 20 đĩa	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện thử nghiệm Oxidase
1.27			Môi trường Mueller Hinton Blood Agar	120	Đĩa	Hộp 10 đĩa	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường thực hiện kháng sinh đồ Streptococcus
1.28			Amikacin	100	Đĩa	Lọ 50 đĩa	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh.
1.29			Ampicillin	100	Đĩa	Lọ 50 đĩa	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh.
1.30			Cefotaxime	100	Đĩa	Lọ 50 đĩa	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh.
1.31			Cefoxitin	100	Đĩa	Lọ 50 đĩa	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh.
1.32			Ceftazidime	100	Đĩa	Lọ 50 đĩa	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh.
1.33			Cefuroxime	100	Đĩa	Lọ 50 đĩa	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh.

1.34			Cefepime	100	Đĩa	Lọ 50 đĩa	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su dày chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh.
1.35			Ceftriaxone	100	Đĩa	Lọ 50 đĩa	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su dày chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh.
1.36			Cefo+Cla.acid	100	Đĩa	Lọ 50 đĩa	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su dày chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh.
1.37			Cefta+Cla.acid	100	Đĩa	Lọ 50 đĩa	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su dày chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh.
1.38			Chloramphenicol	100	Đĩa	Lọ 50 đĩa	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su dày chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh.
1.39			Ciproloxacin	100	Đĩa	Lọ 50 đĩa	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su dày chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh.
1.40			Co-trimoxazole	100	Đĩa	Lọ 50 đĩa	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su dày chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh.
1.41			Ertapenem	100	Đĩa	Lọ 50 đĩa	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su dày chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh.
1.42			Erythromycin	100	Đĩa	Lọ 50 đĩa	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su dày chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh.
1.43			Gentamycin	100	Đĩa	Lọ 50 đĩa	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su dày chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh.
1.44			Imipenem	100	Đĩa	Lọ 50 đĩa	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su dày chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh.

1.45			Levofloxacin	100	Đĩa	Lọ 50 đĩa	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh.
1.46			Meropenem	100	Đĩa	Lọ 50 đĩa	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh.
1.47			Nitrofuratoin	100	Đĩa	Lọ 50 đĩa	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh.
1.48			Norfloxacin	100	Đĩa	Lọ 50 đĩa	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh.
1.49			Oxacillin	100	Đĩa	Lọ 50 đĩa	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh.
1.50			Penicillin	100	Đĩa	Lọ 50 đĩa	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh.
1.51			Rifampicin	100	Đĩa	Lọ 50 đĩa	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh.
1.52			Ticarcillin+Cla.acid	100	Đĩa	Lọ 50 đĩa	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh.
1.53			Vancomycin	100	Đĩa	Lọ 50 đĩa	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh.
1.54			Tấm bông vô trùng dùng trong kỹ thuật kháng sinh đồ	1.500	Que	Bịch 50 que	Tấm bông chứa trong ống nhựa có chiều dài 170mm và đường kính 5mm, chiều dài của que tấm bông là 55mm. Thực hiện kỹ thuật định danh kháng sinh đồ.
1.55			Potassium hydroxide (KOH)	2	Chai	1 chai/hộp	Chai có chứa 100 ml thuốc thử dùng kết hợp với môi trường (MR-VP) hoặc đĩa giấy sinh hóa (VP) để thực hiện thử nghiệm Voges-Proskauer (VP)

1.56			Môi trường Bile Esculin	250	Lọ	Hộp 10 lọ	Lọ thủy tinh có nắp vặn chặt chứa 3ml môi trường. Dùng để phát hiện khả năng thủy giải esculin của vi khuẩn với sự hiện diện của bile để phân biệt Group D streptococcus với các nhóm streptococcus khác.
2	PP2500342769	Hoá chất, vật tư tương thích cho máy định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ BD Phoenix M50					
2.1			Thanh định danh và kháng sinh đồ vi khuẩn gram âm	700	Test	25 Test/Hộp	-Dùng để định danh nhanh và thử nghiệm độ nhạy cảm của các loại vi khuẩn Gram âm hiếu khí và kỵ khí tùy nghi . - Phân định danh có 45 giếng cơ chất hóa sinh và 2 giếng huỳnh quang - Có chứa các loại kháng sinh và 1 giếng kiểm soát sinh trưởng. Các kháng sinh thuộc các nhóm:Beta-lactam, Aminoglycoside, Quinolone, Cyclic peptide, Tetracycline, Fosfomycin, Glycylcycline, Folate Antagonist, - Bảo quản ở 15 - 25°C.

2.2			Thanh định danh và kháng sinh đồ vi khuẩn gram dương	700	Test	25 Test/Hộp	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để định danh nhanh và thử nghiệm độ nhạy cảm của các loại vi khuẩn Gram dương hiếu khí và kỵ khí tùy nghi. - Phân định danh có 45 giếng cơ chất hóa sinh và 2 giếng huỳnh quang - Có chứa các loại kháng sinh và 1 giếng kiểm soát sinh trưởng. Các kháng sinh thuộc các nhóm: Beta-lactam, Aminoglycoside, Macrolides, Lincosmides, Quinolone, Tetracycline, Fusidane, Nitrofurantoin, Glycopeptide, Folate Antagonist. - Bảo quản ở 15 - 25°C.
2.3			Thanh định danh và kháng sinh đồ vi khuẩn Strep	350	Test	25 Test/Hộp	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để định danh nhanh và thử nghiệm độ nhạy cảm của các loài vi khuẩn Streptococcus có nguồn gốc. - Có chứa các loại kháng sinh và 1 giếng kiểm soát sinh trưởng. Các kháng sinh thuộc các nhóm: Beta-lactam, Phenicol, Macrolides Lincosamides, Quinolone, Oxazolidinone, Glycopeptide, Tetracycline, Folate Antagonist, - Bảo quản ở 15 - 25°C.
2.4			Thanh định danh vi khuẩn gram âm	700	Test	25 Test/Hộp	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để định danh nhanh các loại vi khuẩn Gram âm hiếu khí và kỵ khí tùy nghi. - Panel bao gồm 45 giếng cơ chất hoá sinh và 2 giếng huỳnh quang. - Bảo quản ở 15 - 25°C.
2.5			Thanh định danh vi khuẩn gram dương	700	Test	25 Test/Hộp	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để định danh nhanh các loại vi khuẩn Gram dương hiếu khí và kỵ khí tùy nghi. - Panel bao gồm 45 giếng cơ chất hoá sinh và 2 giếng huỳnh quang. - Bảo quản ở 15 - 25°C.

2.6			Thanh kháng sinh đồ vi khuẩn gram âm	700	Test	25 Test/Hộp	-Dùng để thử nghiệm độ nhạy cảm của hầu hết các loại vi khuẩn Gram âm hiếu khí và kỵ khí tùy nghi . -Có chứa các loại kháng sinh và 1 giếng kiểm soát sinh trưởng. Các kháng sinh thuộc các nhóm:Beta-lactam, Aminoglycoside, Quinolone, Cyclic peptide, Tetracycline, Fosfomycin, Nitrofuram, Glycylcycline, Folate Antagonist, - Bảo quản ở 15 - 25°C.
2.7			Thanh kháng sinh đồ vi khuẩn gram dương	700	Test	25 Test/Hộp	- Dùng để thử nghiệm độ nhạy cảm của hầu hết các loại vi khuẩn Gram dương hiếu khí và kỵ khí tùy nghi. - Có chứa các loại kháng sinh và 1 giếng kiểm soát sinh trưởng. Các kháng sinh thuộc các nhóm:Beta-lactam, Aminoglycoside, Macrolides Lincosmides, Phenicol, Quinolone, Tetracycline, Fosfomycin, Fusidane, Oxazolidinone, Pseudomonic acid, Nitrofuram, Glycopeptide, Folate Antagonist.. - Bảo quản ở 15 - 25°C.
2.8			Canh trường định danh	3.600	Ống	4.5mL/ống x 100 ống/Hộp	- Thành phần (công thức trên 1 Lít nước tinh khiết): 7.5g Potassium chloride , 0.5g Calcium chloride, 0.895g Tricine glycine, Polysorbate 80 0.025%,. - Bảo quản ở 2 - 25°C.
2.9			Canh trường kháng sinh đồ	3.600	Ống	8 mL/ống x 100 ống/Hộp	- Thành phần: (công thức trên 1 Lít nước tinh khiết): 22g Canh trường Mueller Hinton, Polysorbate 80 0.01%. - Bảo quản ở 2 - 25°C.
2.10			Canh trường kháng sinh đồ cho vi khuẩn Strep	350	Ống	8 mL/ ống x 100 ống/Hộp	- Thành phần: (công thức trên 1 Lít nước tinh khiết) Casein của Pancreatic Digest, Peptones, và 29.2g Supplement; Thymidine Phosphorylase 100 IU, 80 0.1g Polysorbate. - Bảo quản ở 2 - 25°C.
2.11			Chỉ thị kháng sinh đồ	150	Lọ	6mL/lọ x 10 lọ/Hộp	- Thành phần: (công thức trên 1 Lít nước tinh khiết): Redox indicator <3g, Redox stabilizers < 20g - Bảo quản ở 2 - 8°C.

2.12			Chỉ thị kháng sinh đồ cho vi khuẩn Strep	50	Lọ	6mL/lọ x 10 lọ/Hộp	- Thành phần: (công thức trên 1 Lít nước tinh khiết): Redox indicator < 1.5g, Redox stabilizers < 20g - Bảo quản ở 2 - 8°C.
2.13			Chai cấy máu hiếu khí người lớn	500	Chai	30mL/chai x 50 chai/Hộp	- Sử dụng trong quy trình nuôi cấy và phục hồi hiếu khí các vi sinh vật từ mẫu máu. - Thành phần môi trường trong chai: Nước đã qua xử lý, Canh trường Soybean-Casein Digest, Cao nấm men, Amino axit, Đường, Sodium Polyanetholsulfonate (SPS), Vitamins, Chất chống oxi hóa/ Khử, Nonionic Adsorbing Resin, Cationic Exchange Resin, có bổ sung thêm CO ₂ . - Bảo quản ở 2 - 25°C. - Chai có một cảm biến hoá học được theo dõi bởi máy cấy máu sau mỗi 10 phút để phát hiện sự gia tăng của huỳnh quang.
2.14			Chai cấy máu kỵ khí người lớn	200	Chai	40mL/chai x 50 chai/Hộp	Sử dụng trong quy trình nuôi cấy và phục hồi vi sinh vật kỵ khí từ mẫu máu. Thành phần môi trường trong chai: Nước đã qua xử lý, Canh trường Soybean-Casein Digest, Cao nấm men, Thành phần Mô Động vật, Dextrose, Hemin, Menadione , Sodium Citrate , Thiols, Sodium Pyruvate , Saponin, Chất chống tạo bọt, Sodium Polyanetholsulfonate (SPS), có bổ sung thêm CO ₂ . - Bảo quản ở 2 - 25°C. - Chai có một cảm biến hoá học được theo dõi bởi máy cấy máu sau mỗi 10 phút để phát hiện sự gia tăng của huỳnh quang.

2.15			Chai cấy máu nhi	700	Chai	40mL/chai x 50 chai/Hộp	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng trong quy trình nuôi cấy và phục hồi vi sinh vật hiếu khí từ mẫu máu bệnh nhi và các mẫu máu khác có thể tích dưới 3mL. - Thành phần môi trường trong chai: Nước đã qua xử lý, Canh trường Soybean-Casein Digest, Cao nấm men, Thành phần Mô Động vật, Sodium Pyruvate, Dextrose, Sucrose, Hemin, Menadione, Sodium Polyanetholsulfonate (SPS), Pyridoxal HCl (Vitamin B6), Nonionic Adsorbing Resin, Cationic Exchange Resin, có bổ sung thêm CO₂. - Bảo quản ở 2 - 25°C. - Chai có một cảm biến hoá học được theo dõi bởi máy cấy máu sau mỗi 10 phút để phát hiện sự gia tăng của huỳnh quang.
2.16			Thanh định danh nấm	50	Test	25 panel/Hộp	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để định danh nhanh hầu hết các loại nấm men và các vi sinh vật giống nấm men. - Panel bao gồm 45 giếng cơ chất hoá sinh và 2 giếng huỳnh quang. - Bảo quản ở 15 - 25°C.

Ghi chú:

- Trường hợp nhà thầu dự thầu hàng hóa có thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn so với E-HSMT thì nhà thầu phải đảm bảo hàng hóa dự thầu có thông số kỹ thuật và tính năng sử dụng giống với các hàng hóa yêu cầu.

- “Tương đương” có nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng là tương đương với các vật tư (hóa chất) đã nêu trên.

- Nhân hiệu, tên nhà sản xuất hàng hóa nêu trong E-HSMT (nếu có) chỉ mang tính tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa, không phải tiêu chuẩn đánh giá, nhà thầu có thể chào hàng hóa của hãng khác có thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn các hàng hóa nêu trên về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ. Nhà thầu phải lập bảng liệt kê thông số kỹ thuật hàng hóa dự thầu.

1.3. Các yêu cầu khác

1.3.1. Các yêu cầu chung:

- Hàng hoá phải được cấp phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam;
- Xuất xứ, mã hiệu, tên thương mại, phân loại (đối với hàng hóa là trang thiết bị y tế theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế) yêu cầu Nhà thầu phải chào rõ ràng, đúng quy định, đáp ứng yêu cầu của E-HSMT;
- Hạn sử dụng: Theo quy định của E-HSMT;
- Nhãn hàng hoá: Theo đúng quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hoá;
- Đóng gói, bảo quản hàng hoá: Theo đúng yêu cầu của nhà sản xuất, ngoài ra việc đóng gói phải phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển hàng hoá nhằm phòng ngừa mọi hư hỏng trong quá trình vận chuyển, bốc dỡ và các tác động khác của môi trường.
- Đảm bảo cung ứng đúng chủng loại và đủ số lượng hàng hoá nêu trúng thầu.
- Đảm bảo khả năng cung cấp hàng hóa đạt yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng hàng hóa theo yêu cầu của Hồ sơ mời thầu trước đó thông qua đấu thầu rộng rãi và đúng giá trúng thầu (kể cả trong trường hợp có trượt giá trong năm).
- Đảm bảo thu hồi hàng hóa trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Chủ đầu tư.
- Bảo hành:
 - + Thời gian bảo hành hàng hóa theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu
 - + Phương thức bảo hành: Khi có yêu cầu về bảo hành, Nhà thầu phải cử chuyên gia (nhân sự có chuyên môn phù hợp) liên hệ để thực hiện công tác bảo hành không chậm quá 48 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư. Nếu hết thời gian này mà Nhà thầu chưa liên hệ để thực hiện công tác bảo hành hoặc có liên hệ nhưng không đáp ứng theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư có quyền thuê nhà thầu khác thực hiện và toàn bộ kinh phí thuê này do nhà thầu chi trả.
- Bảo trì: Thời gian bảo trì định kỳ trong thời gian bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

1.3.2. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa.

- Bảng chào đáp ứng kỹ thuật (bảng so sánh thông số kỹ thuật) theo mẫu tại mục 1.3.3 Chương V. Đề nghị nhà thầu kê khai đầy đủ thông tin, ghi cụ thể tên tài liệu tham chiếu, số trang và trích dẫn nội dung tham chiếu cụ thể. Nhà thầu phải nộp đồng thời file Word của Bảng chào và bản scan có ký đóng dấu hợp lệ.
- Cung cấp Catalogue hoặc các tài liệu kỹ thuật để chứng minh thông số kỹ thuật theo yêu cầu của E-HSMT đối với hàng hóa thuộc gói thầu, nếu ngôn ngữ không phải là tiếng Việt phải đính kèm bản dịch sang tiếng Việt theo quy định.

1.3.3. Bảng so sánh thông số kỹ thuật chào thầu

- Nhà thầu kê khai đầy đủ thông tin theo mẫu dưới đây và cung cấp file định dạng Word kèm E-HSMT cung cấp file scan bản in cho chữ ký, đóng dấu hợp lệ. Nhà thầu phải đảm bảo và chịu trách nhiệm về sự thống nhất giữa nội dung file Word và file Scan hoàn toàn thống nhất.

BẢNG SO SÁNH THÔNG SỐ KỸ THUẬT HÀNG HÓA DỰ THẦU

STT	Nội dung yêu cầu của E-HSMT	Nội dung E-HSMT nhà thầu chào	Tài liệu tham chiếu
1			(Nhà thầu kê khai đầy đủ các thông tin yêu cầu)

Mục 2. Bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây: *Không có bản vẽ*

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- *Nội dung kiểm tra: Kiểm tra toàn bộ hàng hóa theo yêu cầu của hợp đồng.*

- *Thử nghiệm: Theo yêu cầu của Chủ đầu tư.*

- *Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật, không đáp ứng như các yêu cầu của E-HSMT thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Toàn bộ các chi phí và chi phí liên quan cho việc tiến hành thay thế hoặc điều chỉnh này do nhà thầu chịu.*